TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DS-ST.
Ngày: 10-5-2024.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Phạm Văn Út**.
+ Ông **Nguyễn Văn Vũ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Quỳnh Như** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị H** - Sinh năm: 1964, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

* *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Thị Mỹ T** - Sinh năm: 1973; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Võ Thanh L** - Sinh năm: 1969; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị H trình bày:

Vào ngày 08/6/2023, bà Huỳnh Thị H có cho bà Huỳnh Thị Mỹ T vay số tiền là 450.000.000VNĐ (bốn trăm năm mươi triệu đồng), cho vay không lãi suất, thời hạn vay là đến ngày 08/8/2023 bà T sẽ trả lại số tiền này. Hai bên có làm Hợp đồng vay ngày 08/6/2023 được công chứng tại Văn phòng C. Sau khi vay, bà T có trả cho bà số nợ gốc là 150.000.000VNĐ (một trăm năm mươi triệu đồng) còn nợ lại số tiền là 300.000.000VNĐ (ba trăm triệu đồng). Do vậy, bà H yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ T cùng chồng là ông Võ Thanh L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ là 300.000.000VNĐ (ba trăm triệu đồng) và yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng kể từ ngày 09/8/2023 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Bị đơn là bà Huỳnh Thị Mỹ T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Thanh L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà H trình bày: Trước đó, bà có cho bà T vay số tiền là 520.000.000VNĐ (năm trăm hai mươi triệu đồng), bà T có trả tiền cho bà và còn nợ lại 450.000.000VNĐ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) nên ngày 08/6/2023 hai bên mới làm Hợp đồng vay có công chứng tại Văn phòng C, sau đó thì bà T có trả được 150.000.000VNĐ (một trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc, còn nợ lại 300.000.000VNĐ (ba trăm triệu đồng), bà T không có trả khoảng tiền lãi nào; đồng thời bà H cho rằng ông L biết việc bà T vay tiền nên có viết giấy tay hứa trả tiền cho bà, ngoài ra bà T vay tiền là để mua đồ về bán tại tiệm tạp hóa nên bà yêu cầu bà T cùng chồng là ông Võ Thanh L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ là 300.000.000VNĐ (ba trăm triệu đồng) và yêu cầu trả tiền lãi trên số nợ 300.000.000VNĐ với mức lãi suất là 0,83%/tháng kể từ ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 12/10/2023 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Bà T, ông L vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là vi phạm Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 21, 26, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Huỳnh Thị Mỹ T và ông Võ Thanh L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền vay còn nợ là 300.000.000VNĐ (ba trăm triệu đồng) và tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng kể từ ngày bà H nộp đơn khởi kiện cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà H có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản đối với bà T có địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà T, ông L được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải ngày 21/11/2023, ngày 08/12/2023 nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà T, ông L vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông L theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Bà H trình bày là bà T có vay số tiền 450.000.000VNĐ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) theo Hợp đồng vay ngày 08/6/2023 được công chứng tại Văn phòng C là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bà H cho rằng bà T có trả được số nợ gốc là 150.000.000VNĐ (một trăm năm mươi triệu đồng); bà T, ông L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ việc, Tòa án đã giao thông báo giao nộp chứng cứ nhưng bà T, ông L không có ý kiến phản đối đối với Hợp đồng vay ngày 08/6/2023 mà bà H cung cấp cũng như phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà H nên có cơ sở để xác định được bà T, ông L còn nợ bà H số nợ gốc là 300.000.000VNĐ (ba trăm triệu đồng).

[3.2] Về lãi suất, tiền lãi:

Bà H cho rằng kể từ thời điểm vay cho đến nay thì bà T, ông L không có trả khoảng tiền lãi nào; bà T, ông L vắng mặt, không gửi cho Tòa án văn bản trình

bày ý kiến, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có trả khoản tiền lãi nào cho bà H nên xác định bà T, ông L không có trả tiền lãi cho bà H.

Hợp đồng vay ngày 08/6/2023 có ghi thời hạn vay là từ ngày công chứng hợp đồng (ngày 08/6/2023) đến ngày 08/8/2023 và khoản vay trên là vay không có lãi; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà H yêu cầu bà T, ông L liên đới trả tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng đối với số nợ gốc chưa trả là 300.000.000VNĐ (ba trăm triệu đồng) kể từ ngày hết thời hạn vay là ngày 09/8/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án; tại phiên phiên tòa, bà H có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà T, ông L liên đới trả tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 12/10/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của bà H là nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận. Xét yêu cầu về việc trả tiền lãi của bà H thấy rằng: Khoản vay trên là vay có thời hạn và vay không có lãi nên theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì khi đến hạn mà bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tuy nhiên bà H chỉ yêu cầu trả tiền lãi kể từ ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 12/10/2023, đây là sự tự nguyện của bà H và phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận; cụ thể phần tiền lãi được tính như sau: 300.000.000VNĐ x 0,83%/tháng x 06 tháng 28 ngày = 17.264.000VNĐ (mười bảy triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

[3.3] Về nghĩa vụ trả nợ: Hợp đồng vay tiền ngày 08/6/2023 không ghi nhận việc ông L có vay tiền của bà H nhưng có ghi nhận mục đích vay là để kinh doanh tiệm tạp hóa, bản thân ông L cũng biết việc bà T có nợ tiền bà H và hứa sẽ lo trả cho bà H (bút lục số 36), bên cạnh đó qua xác minh, thực tế bà T, ông L có kinh doanh tiệm tạp hóa tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre từ đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định đây là khoản nợ chung của bà T, ông L nên chấp nhận yêu cầu của bà H về việc yêu cầu bà T, ông L phải liên đới trả số nợ gốc và tiền lãi.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M, tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà T, ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của số tiền phải trả cho bà H, được tính như sau: (300.000.000VNĐ + 17.264.000VNĐ) x 5% = 15.863.000VNĐ (mười lăm triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 288, 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1/ Buộc bà Huỳnh Thị Mỹ T và ông Võ Thanh L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền vay còn nợ là 300.000.000VNĐ (ba trăm triệu đồng) và tiền lãi là 17.264.000VNĐ (mười bảy triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

2/ Kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1) Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 11.448.000VNĐ (mười một triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005457 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

3.2) Buộc bà Huỳnh Thị Mỹ T và ông Võ Thanh L có nghĩa vụ liên đới nộp 15.863.000VNĐ (mười lăm triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bà H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bà T, ông L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên